

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BA ĐÌNH  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 559/2021/HNGĐ-ST

Ngày 04 tháng 11 năm 2021

V/v Tranh chấp HN&GD

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: - Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Hà

- Bà Đỗ Thị Sỹ Long

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Thanh Hèn - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: số 269/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2021/QĐXX ngày 28/9/2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: - Chị Hoàng Thị M** - Sinh năm: 1985

HKTT và nơi ở: Pxxx nhà H khu 7,2ha V, Ba Đình, Hà Nội.

**Bị đơn: - và anh Nguyễn Ngọc T** - Sinh năm: 1976

Cùng HKTT và nơi ở: Pxxx nhà H khu 7,2ha V, Ba Đình, Hà Nội.

*Chị M có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa;*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại Đơn xin ly hôn ngày 05/3/2021 và bản tự khai ngày 17/5/2021 tại Tòa án, nguyên đơn chị Hoàng Thị M trình bày:***

Chị Hoàng Thị M và anh Nguyễn Ngọc T có đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 11 năm 2003 tại UBND phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sinh sống tại: PXXX nhà H khu 7,2ha V, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả.

Sau khi cãi vã và bất đồng với anh T, chị M đã cHển ra ngoài sống và ly thân tới tháng 9 năm 2021 do tình hình dịch Covid -19 căng thẳng nên chị M và cháu D đã dọn về nhà sinh sống và vẫn ly thân với anh T tại: PXXX nhà H khu 7,2ha V, Ba Đình, Hà Nội. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

- Về con chung: Chị M và anh Nguyễn Ngọc T có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc D sinh ngày 19/8/2004 và cháu Nguyễn Đức H sinh ngày 26/2/2006. Khi ly hôn, chị M xin nuôi cháu D anh T nuôi cháu H. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nhà ở chung: Chị M và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Chị M và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị M tự nguyện chịu cả tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Ngọc T không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt tới PXXX nhà H khu 7,2ha V, Ba Đình, Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã tiến hành thủ tục niêm yết theo đúng quy định.

***Tại biên bản làm việc với tổ trưởng dân phố số 13B phường V với ông Đặng Văn T trình bày:***

Chị M và anh T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới. Sau khi cưới anh chị về sống tại địa chỉ PXXX nhà H khu 7,2ha V, Ba Đình, Hà Nội. Quá trình chung sống chị M và anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc D sinh ngày 19/8/2004 và cháu Nguyễn Đức H sinh ngày 26/2/2006. Trong cuộc sống vợ chồng, chị M và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, to tiếng. Thực tế anh chị đều tự hòa giải, anh chị không mời chính quyền địa phương hòa giải.

Tới thời điểm lập biên bản làm việc này, chị M và cháu D đã không còn sinh sống tại địa bàn, chỉ có anh T đang sinh sống tại địa chỉ trên. Khi rời đi, chị M không khai báo với chính quyền địa phương nên tổ dân phố không có thông tin để cung cấp.

Nay khi Tòa án tới làm biên bản tổ dân phố mới biết về việc chị M và anh T đang xin ly hôn tại Tòa án, tổ dân phố không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:***

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48; Điều 198; khoản 2, 3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ CHẩn thông báo thụ lý vụ án, các quyết định đến Viện kiểm sát và các tổng đạt cho đương sự theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 175; Điều 191; Điều 195; Điều 196; Điều 199 và khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quy định tại Điều 63; điểm b khoản 2 Điều 227 và chương II Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51; Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn vắng mặt Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bị đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; Điều 58; 63; 70 và Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn;

Về con chung đều có nguyện vọng cháu Nguyễn Ngọc D xin ở với mẹ; cháu Nguyễn Đức H xin ở với bố và hiện tại theo lời khai của chị M là hiện tại cháu D đang ở với chị; Cháu H đang ở với anh T. Anh T vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc tại Tòa án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị giao cháu Nguyễn Ngọc D cho chị M nuôi và chăm sóc; Giao cháu Nguyễn Đức H cho anh T nuôi và chăm sóc, để bảo đảm quyền lợi tốt nhất cho các con, cho đến khi anh chị có sự thảo thuận khác hoặc các con đã trưởng thành 18 tuổi.

Về tài sản chung và nhà ở, các khoản vay nợ đương sự xác nhận tự thỏa thuận, nên không yêu cầu giải quyết. Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án để tuyên nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

*Về tố tụng:* Anh Nguyễn Ngọc T vắng mặt lần thứ hai, anh T không có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 70, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị M và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 18/11/2003 tại UBND phường N, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị M và anh Nguyễn Ngọc T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống lối sống, anh T thường xuyên bỏ bê gia đình, đánh đập chị M, cãi vã to tiếng với vợ con. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ là không thể, chị M xin ly hôn anh T. Anh T không tới Tòa án làm việc, từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án; Nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết theo đúng quy định pháp luật. Việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với điều 55, 56 luật hôn nhân và gia đình nên cần được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung:* Chị M và anh T 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc D sinh ngày 19/8/2004 và cháu Nguyễn Đức H sinh ngày 26/2/2006. Khi ly hôn, chị M xin nuôi cháu D, anh T nuôi cháu H; Hai cháu D và H cũng đã có ý kiến gửi tới Tòa án; cháu D xin ở với chị M; Cháu H xin ở với anh T. Song trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án anh T đều không có mặt. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi trong việc chăm sóc con chung, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, HĐXX xem xét giao con chung cho chị M là người trực tiếp nuôi và chăm sóc con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T. Chị M phải đảm bảo quyền đi lại, thăm nom con chung của anh T.

- *Về tài sản và nhà ở chung, công nợ chung*: chị Hoàng Thị M và anh Nguyễn Ngọc T không có tài sản và nhà ở chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- *Về án phí sơ thẩm*: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

Chị Hoàng Thị M và anh Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 70, 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**Xử:** 1, Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hoàng Thị M.

**Chị Hoàng Thị M được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.**

2, Về con chung: Chị Hoàng Thị M và anh Nguyễn Ngọc T 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc D sinh ngày 19/8/2004 và cháu Nguyễn Đức H sinh ngày 26/2/2006. Hiện con chung đang sống cùng với chị M và anh T tại địa chỉ: PXXX nhà H khu 7,2ha V, Ba Đình, Hà Nội.

Giao cháu Nguyễn Ngọc D và cháu Nguyễn Đức H cho chị Hoàng Thị M tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung với anh Nguyễn Ngọc T.

Anh Nguyễn Ngọc T có quyền thăm gặp con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản, nhà ở và công nợ chung: chị M và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0067771 ngày 11/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Án xử công khai sơ thẩm tuyên có mặt chị Hoàng Thị M, vắng mặt anh Nguyễn Ngọc T.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2021. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- TAND TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**VŨ THỊ NGUYỆT**